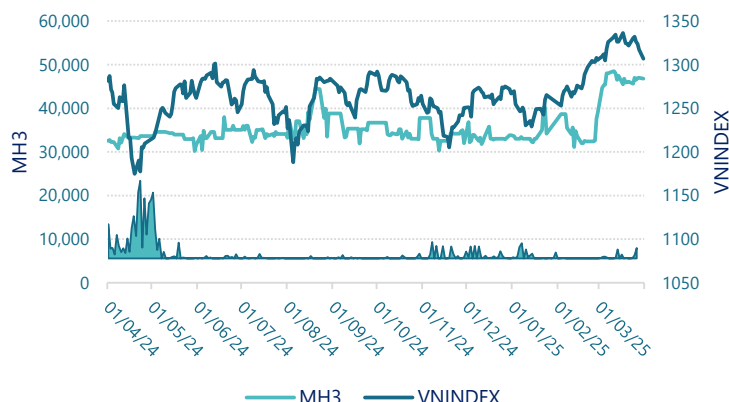


CTCP Khu Công nghiệp Cao su Bình Long (UPCOM: MH3)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	46,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	48,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	30,198
SL cổ phiếu LH	24,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	22,225
% sở hữu nước ngoài	2.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,123
P/E	23.3
EPS	2,011

DT thuần

Q1/25

22.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.60 | -10.2%

YoY: ▲1.10 | 5.3%

LN sau thuế

Q1/25

10.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲0.66 | 6.6%

YoY: ▼0.20 | -1.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

61.3%

+/- YoY: ▲24.9%

DT thuần

2024

93.6

tỷ VNĐ

YoY: ▼60.4 | -39.4%

LN sau thuế

2024

45.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲0.60 | 1.3%

ROE

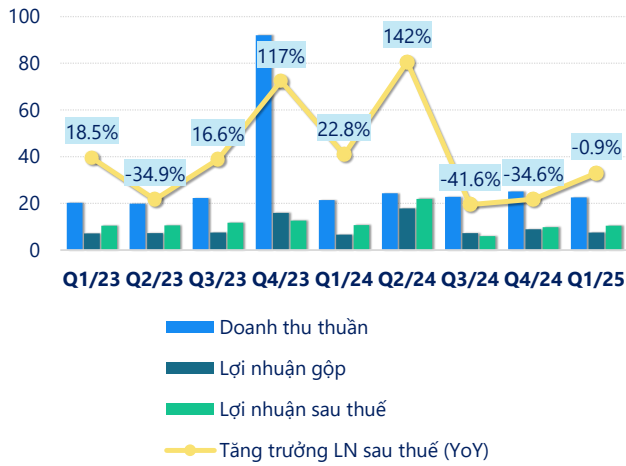
2024

8.3%

+/- YoY: ▼3.5%

tỷ VNĐ

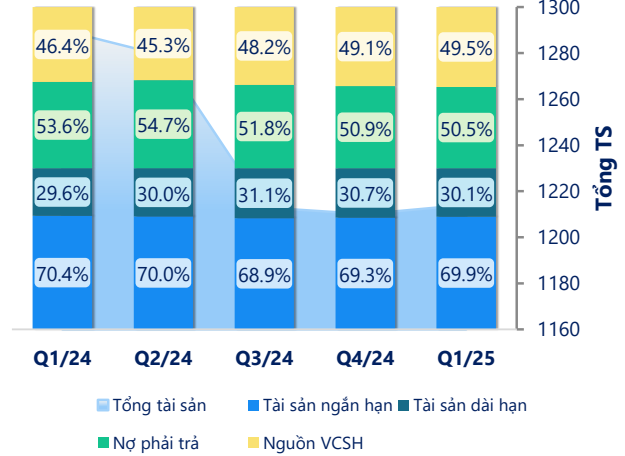
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

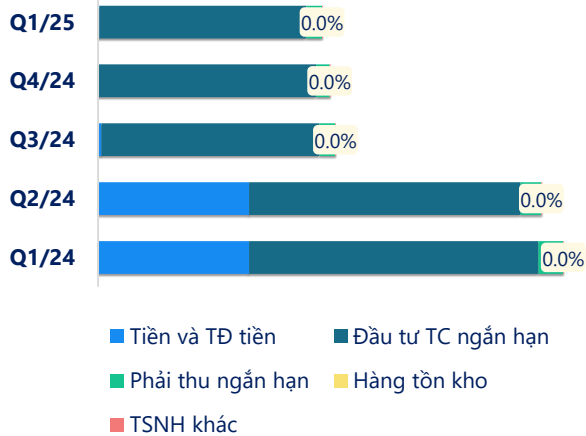
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



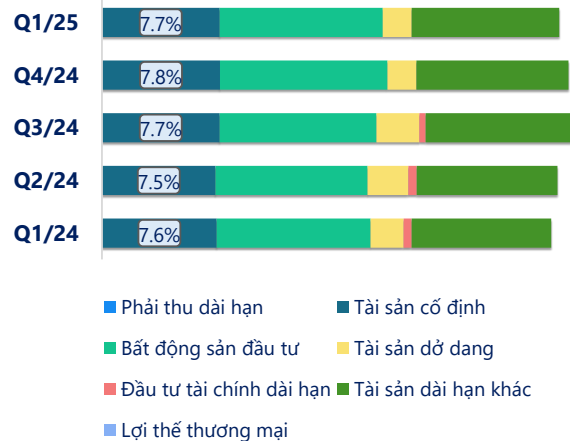
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

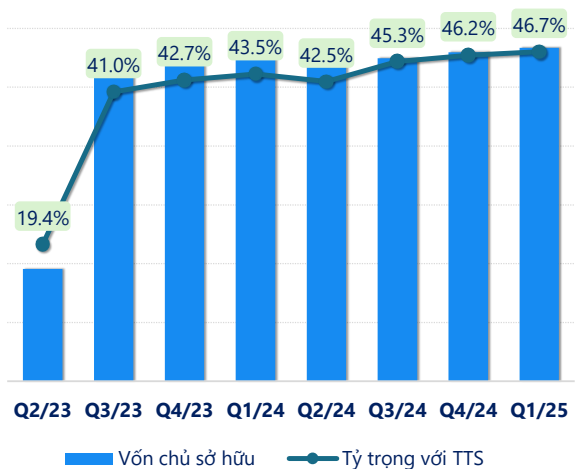
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



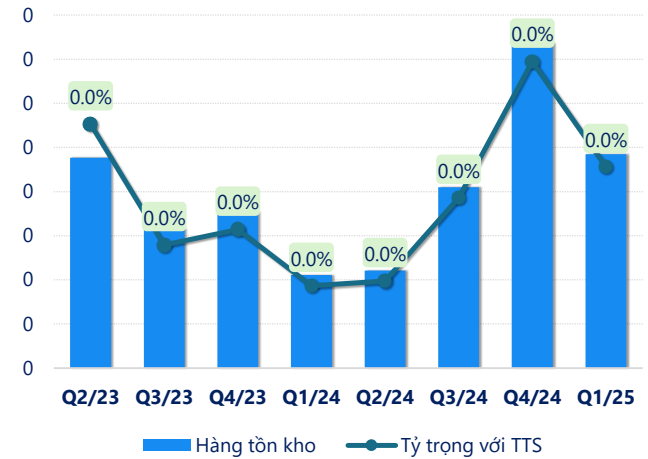
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

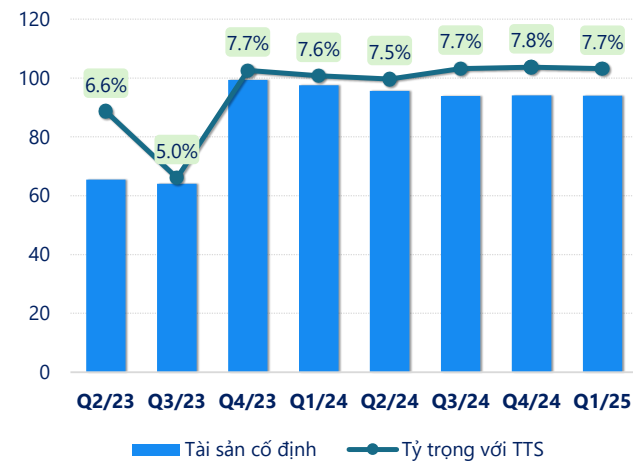

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


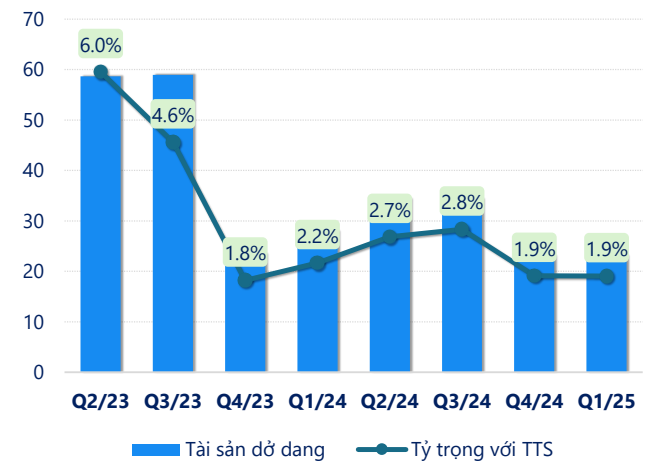
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

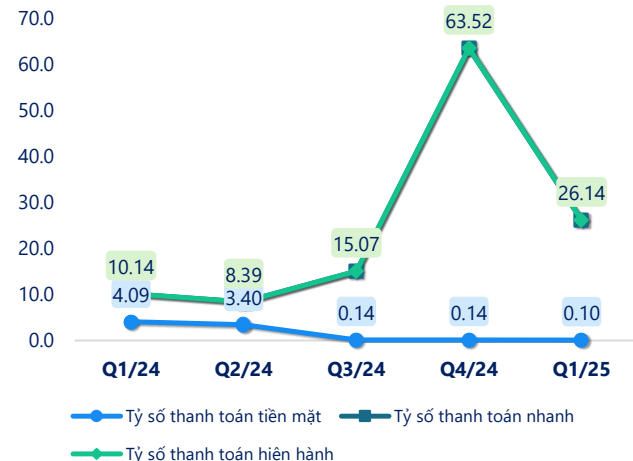
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

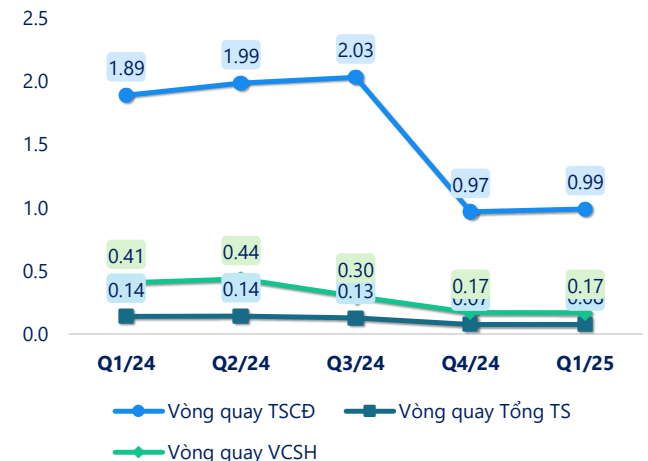
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	1,290	1,279	1,213	1,210	1,214
Tài sản ngắn hạn	909	896	836	839	849
Tiền và tương đương tiền	366	363	7.73	1.86	3.11
Đầu tư tài chính ngắn hạn	502	493	799	810	810
Phải thu ngắn hạn	38.4	37.0	27.1	23.9	33.9
Hàng tồn kho	0.11	0.11	0.20	0.37	0.24
Tài sản ngắn hạn khác	2.31	2.59	1.93	2.16	1.54
Tài sản dài hạn	381	383	377	372	365
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	97.5	95.6	93.9	94.1	94.0
Bất động sản đầu tư	131	128	125	133	130
Tài sản dở dang	28.0	34.4	34.4	23.2	23.2
Đầu tư tài chính dài hạn	7.00	7.00	5.00	0	0
Tài sản dài hạn khác	118	118	118	121	118
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	691	699	628	616	613
Nợ ngắn hạn	89.6	107	55.5	13.2	32.5
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	4.45	4.68	7.53	4.91	5.04
Nợ dài hạn	601	592	572	603	580
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	599	580	585	594	601
Vốn chủ sở hữu	562	543	549	559	567
Vốn điều lệ	240	240	240	240	240
Kinh phí và quỹ khác	37.3	36.5	35.8	35.1	34.3

(Nguồn: fireant.vn)